SAIGON - HANOI SECURITIES

MARKET LENS

24/1/2024

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,172.97	228.53
% Thay đổi	-0.38%	-0.32%
KLGD (CP)	674,244,467	62,417,413
GTGD (tỷ đồng)	15,469.02	1,136.94
Tổng cung (CP)	1,650,864,247	133,243,400
Tổng cầu (CP)	1,488,176,974	97,133,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,102,551	815,231
KL mua (CP)	51,847,741	548,913
GT mua (tỷ đồng)	1,499.74	15.02
GT bán (tỷ đồng)	1,413.27	12.58
GT ròng (tỷ đồng)	86.47	2.44

Tương quan cung cầu HOSE

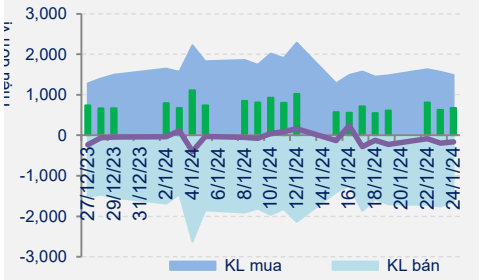

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

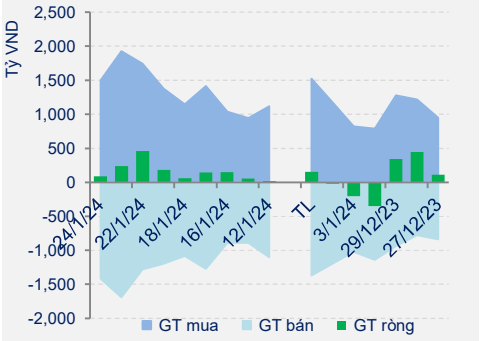

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX

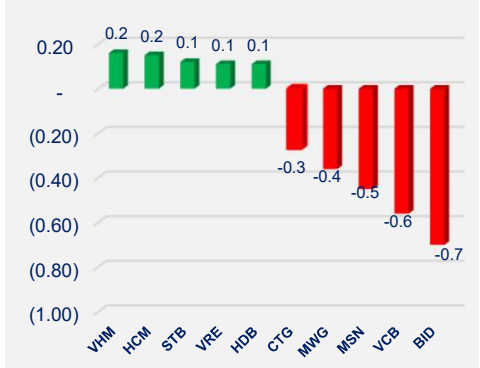

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Với tâm lý thận trọng hơn khi VN-INDEX điều chỉnh ở các vùng kháng cự mạnh. VN-INDEX trong phiên hôm nay tiếp tục giảm điểm. Kết phiên ở mức 1.172,97 điểm, giảm 4,53 điểm (-0,38%) so với phiên trước. HNX-INDEX giảm 0,73 điểm (-0,32%) về mức 228,53 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tiêu cực hơn khi áp lực điều chỉnh mở rộng khi có 387 mã giảm giá (04 mã giảm sàn), 233 mã tăng giá (15 mã tăng trần) và 171 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 16.799,07 tỉ đồng được giao dịch, tăng 2,33% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Cho thấy áp lực điều chỉnh gia mạnh hơn phiên trước mặc dù thị trường vẫn có nhiều mã đột biến khá tích cực. Khối ngoại giảm giao dịch, duy trì mua ròng trên HOSE với giá trị 86,47 tỉ đồng, tập trung mua ròng ở nhóm ngân hàng, chứng khoán; mua ròng trở lại trên HNX với giá trị 2,44 tỉ đồng.

Ngân hàng Trung ương Nhật Bản quyết định tiếp tục duy trì lãi suất âm. Kết thúc cuộc họp chính sách kéo dài 2 ngày, BOJ giữ nguyên nội dung tuyên bố với các từ ngữ thiên về xu hướng ôn hòa, cam kết sẽ định hướng lãi suất ngắn hạn ở mức âm 0,1% và lãi suất 10 năm ở mức 0%, đồng thời duy trì chính sách kiểm soát đường cong lợi suất (YCC) để cho phép lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm tăng lên khoảng 1,0%. BOJ cam kết sẽ "không ngần ngại thực hiện bổ sung các biện pháp nếu cần thiết," đồng thời nói thêm rằng sẽ tiếp tục chính sách YCC "miễn là cần thiết để duy trì mục tiêu lạm phát ở mức 2% một cách ổn định.

Mặc dù thị trường chung chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình nhưng nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán lại có diễn biến nổi bật nhất, nhiều mã tiếp tục vượt và hướng đến vùng giá cao nhất tháng 09/2023 tương ứng VNI-INDEX 1.250 điểm, khối lượng giao dịch đột biến như HCM (+4,38%), TVB (+4,11%), VFS (+1,10%), MBS (+0,83%)... ngoài các mã điều chỉnh IVS (-1,98%), VIG (-1,28%), BSI (-0,57%)....

Các cổ phiếu nhóm ngân hàng tiếp tục phân hóa mạnh, đa số chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản gia tăng kém tích cực như KLB (-3,28%), OCB (-2,02%), TPB (-1,61%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ PGB (+1,91%), ABB (+1,22%), SHB (+0,82%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình như NBB (-5,40%), NVL (-1,76%), IJC (-1,69%), NLG (-1,54%), ITC (-1,42%).... ngoài các mã phục hồi mạnh sau giai đoạn điều chỉnh kéo dài với FIR (+7,00%), LDG (+6,71%)... hay NTL (+2,21%)... Trong khi đó các nhóm ngành khác cũng phân hóa mạnh, đa số biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản dưới mức trung bình với các mã tích cực tập trung chủ yếu vào cá mã đã có kết quả kinh doanh quí IV/2023 tích cực.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 giảm 3,3 điểm (-0,29%) chênh lệch dương 1,25 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 16,36% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Khối lượng mở OI giảm, cho thấy các vị thế đầu cơ, phòng ngừa rủi ro giảm điểm, cũng như đóng các vị thế nắm giữ trong phiên tăng mạnh. VN30F2402 duy trì xu hướng tăng trưởng ngắn hạn trên vùng hỗ trợ quanh 1.175 điểm - 1.180 điểm, vùng kháng cự gần nhất 1.185 -1.190điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 0,65 điểm đến -3,75 điểm so với VN30. Mức chênh lệch thu hẹp dương và mở rộng âm, cho thấy các trader đang có tâm lý thận trọng hơn ưu tiên vị thế đóng các vị thế mua ngắn hạn, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VnIndex sau nhịp tăng tiến gần ngưỡng kháng cự tâm lý 1.200 điểm đã điều chỉnh giảm trong 2 phiên vừa qua, vận động thường thấy trước các ngưỡng cản và cũng đã được chúng tôi đề cập tới trong các bản tin trước. Thị trường giảm điểm nhẹ trong phiên hôm nay, chốt phiên VN-Index - 4,53 điểm (-0,38%) và đóng cửa ở 1.172,97 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường đang trong nhịp điều chỉnh trước ngưỡng kháng cự tâm lý đúng như chúng tôi đã dự báo, trường hợp xấu nhất Vn-Index có thể test lại vùng nền tích lũy nhỏ như thể hiện trên biểu đồ (1.150 điểm - 1.160 điểm). Tuy nhiên chúng tôi cho rằng thị trường sẽ trở lại tích cực sau điều chỉnh và hoàn toàn có khả năng vượt ngưỡng cản tâm lý 1.200 điểm trong thời gian tới.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Với những vận động của VnIndex trong thời gian qua xác nhận VnIndex khả năng tích lũy trong kênh rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Phiên hôm nay thị trường tiếp tục điều chỉnh và chúng tôi đã cảnh báo diễn biến này. Nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục theo dõi nhịp điều chỉnh đang diễn ra. Nhà đầu tư trung, dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần do thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 24/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DPM	32.65	31-33	38-39	29	8.1	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.80	25-26.3	29.5-30.5	23	14.1	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.90	22.3	28-28.5	25	16.1%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	48.20	45.1	52-53	48	6.9%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.70	27.55	30-31	26.5	0.5%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.75	18.09	23-24	19	9.2%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ	
Dành hơn 870 tỷ đồng cho phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2025	Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà vừa ký Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 17/1/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/1/2017 về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025. Quyết định số 71/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục III Điều 1 Quyết định số 68/QĐ-TTg quy định về các nội dung Chương trình thực hiện trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025. Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thực hiện kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước, xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ...
Lượng kiều hối về TP HCM cao nhất trong 10 năm trở lại đây	Dù rất nhiều khó khăn, nhưng lượng kiều hối chuyển về TP HCM trong năm 2023 vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, đạt hơn 9,46 tỷ USD, tăng 43,3% so với năm 2022. Đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây và tiếp tục duy trì tỷ trọng cao với mức trên 50% so với tổng lượng kiều hối của cả nước. Thông tin trên được ông Nguyễn Đức Lệnh, Phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP HCM cho biết vào chiều 24/1. Phân tích kiều hối theo khu vực cho thấy, lượng kiều hối chuyển về từ khu vực châu Á chiếm tỷ trọng cao nhất với 50,5% và tăng trưởng 143,8% so với cuối năm 2022 . Trong khi đó, lượng kiều hối chuyển về từ khu vực châu Phi và châu Mỹ đều giảm.
Phó Thủ tướng: Đào tạo 50.000 - 100.000 nhân lực cho ngành bán dẫn giai đoạn 2024 - 2030	Phó Thủ tướng Lê Minh Khái cho biết, một trong những mục tiêu đặt ra cho năm 2024 là xây dựng và triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, trong đó tập trung đào tạo 50.000 - 100.000 nhân lực giai đoạn 2024 - 2030. Tập trung vào ba động lực tăng trưởng, làm mới các động lực tăng trưởng cũ và khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới; phấn đấu tổng kim ngạch xuất khẩu tăng ít nhất 6% so với năm 2023.
Trị giá hàng buôn lậu tăng nóng, hải quan nộp ngân sách gần 500 tỷ đồng từ xử lý gần 16.000 vụ việc	Năm 2023, ngành hải quan xử lý gần 16.000 vụ việc vi phạm pháp luật hải quan, dù số lượng giảm so với cùng kỳ nhưng trị giá hàng vi phạm tăng tới 42,6%, ước tính đạt 12.476 tỷ đồng… Cơ quan hải quan đã khởi tố 40 vụ, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2022 và chuyển cơ quan khác kiến nghị khởi tố 186 vụ, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2022. Số tiền thu nộp ngân sách nhà nước 497,8 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2022.

TIN DOANH NGHIỆP	
Năm 2023, Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) đạt lợi nhuận trước thuế 5.830 tỷ đồng	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB - sàn HOSE) ghi nhận lợi nhuận năm 2023 tăng nhẹ so với năm 2022, chất lượng tài sản ổn định. Tổng tiền gửi tại ngày 31/12/2023 là trên 132 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn đạt 97,2 nghìn tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ; tiền gửi từ khách hàng cá nhân luôn ở mức cao, đạt xấp xỉ 76 nghìn tỷ đồng trong năm 2023, chiếm 57% tổng danh mục, tăng 26% so với cùng kỳ; số dư CASA chiếm 26,54% tổng huy động vốn. Kết thúc 2023, tổng thu thuần của MSB tăng trưởng 15%, cao hơn mức 9% của chi phí hoạt động, đưa chỉ số chi phí/doanh thu (CIR) của Ngân hàng xuống mức 39,16%, thấp hơn 2,23 điểm % so với cuối năm 2022. Đây cũng là kết quả từ các dự án số hóa mà MSB đầu tư trong các năm gần đây.
VNG chính thức rút hồ sơ IPO tại Mỹ sau nhiều lần trì hoãn	Theo một tuyên bố trên trang web của Ủy ban Chứng khoán Mỹ (SEC) hôm thứ Hai (22/1), Công ty cổ phần VNG đã quyết định không tiến hành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) vào thời điểm này và có kế hoạch nộp đơn đăng ký mới trong tương lai. VNG cho biết: "Đã xác định không tiến hành chào bán đã đăng ký vào thời điểm này và dự định sẽ nộp hồ sơ đăng ký mới trong tương lai". VNG không tiết lộ lý do của việc rút lại hồ sơ cũng như đưa ra bất kỳ khung thời gian nào cho việc đăng ký chào bán trong tương lai.
PVT Logistics kết năm 2023 với lãi ròng đi lùi, nợ vay tăng mạnh	CTCP Vận Tải Và Tiếp Vận Phương Đông Việt (PVT Logistics, UPCoM: PDV) kết thúc năm 2023 với lãi ròng giảm mạnh nhưng vẫn vượt kế hoạch, đồng thời cơ cấu tài sản có nhiều biến động, nợ vay tăng mạnh. Quý 4/2023, PDV mang về hơn 402 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 53% so với cùng kỳ năm trước. Công ty cho biết trong kỳ, doanh thu hoạt động thương mại tăng mạnh và ghi nhận thêm đóng góp từ 1 tàu chở dầu/hóa chất PVT Jupiter (mua và khai thác từ tháng 5/2023), 1 tàu hàng rời cỡ nhỏ PVT Pearl (thuê tàu trần và khai thác từ tháng 9/2023).
Lãi quý 4 gấp đôi cùng kỳ, LAS giải thích do khéo mua bán	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS) ghi nhận lợi nhuận sau thuế quý 4/2023 tăng hơn 100% so với cùng kỳ, đóng góp đáng kể vào thành quả ấn tượng của cả năm. Theo BCTC quý 4/2023 của LAS, Doanh nghiệp đạt 549 tỷ đồng doanh thu thuần, thấp hơn cùng kỳ 25%. Tuy nhiên, giá vốn giảm khá sâu (38%) còn 358 tỷ đồng. Mức giảm mạnh này giúp Doanh nghiệp lãi gộp 191 tỷ đồng, tăng 30%.

KLGD và VN-Index trong phiên

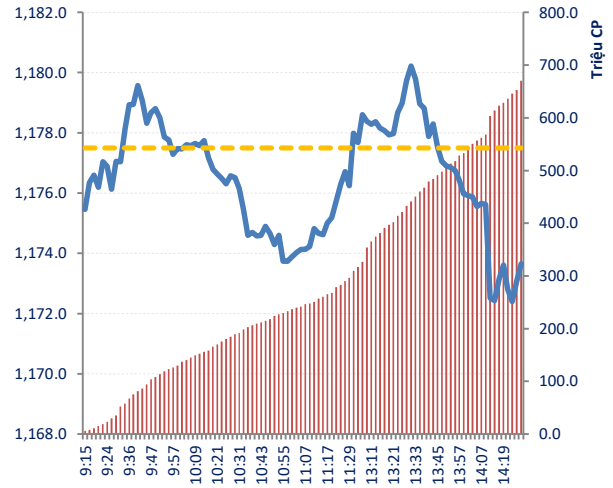

KLGD và HNX-Index trong phiên

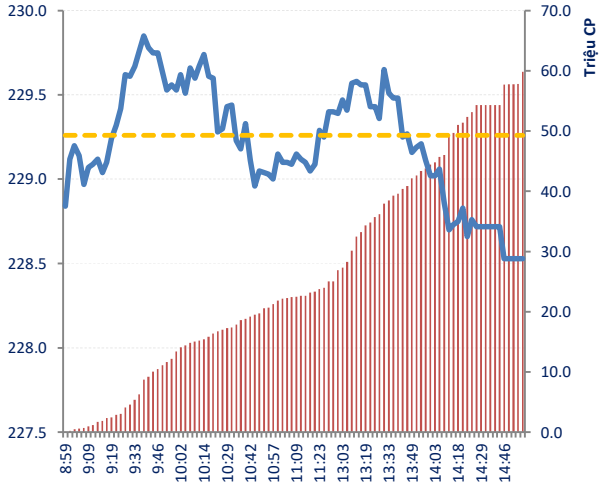

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

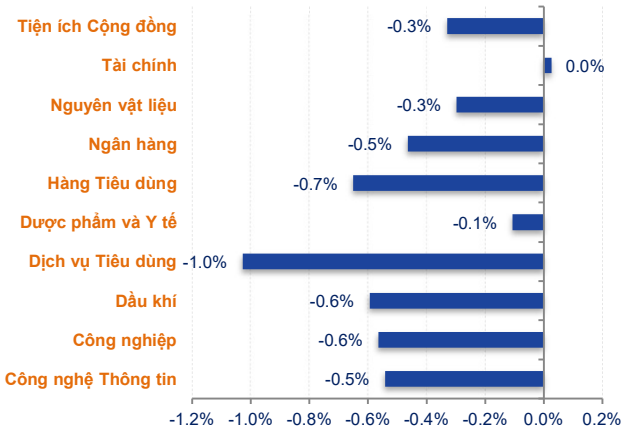

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

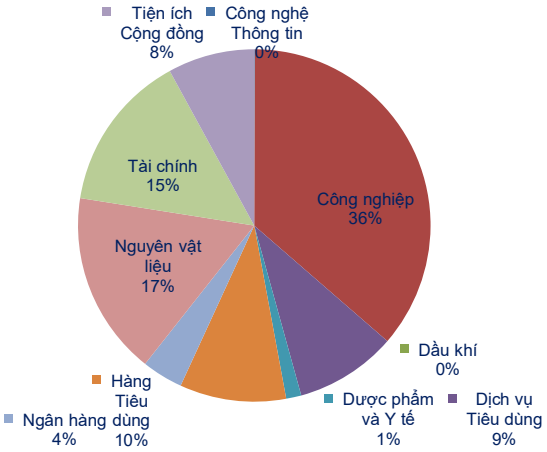

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

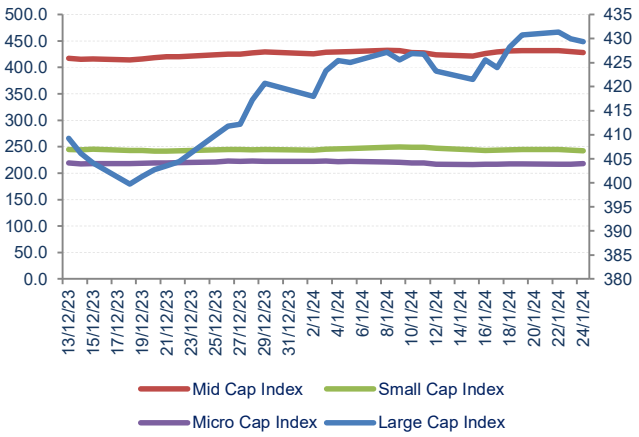

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

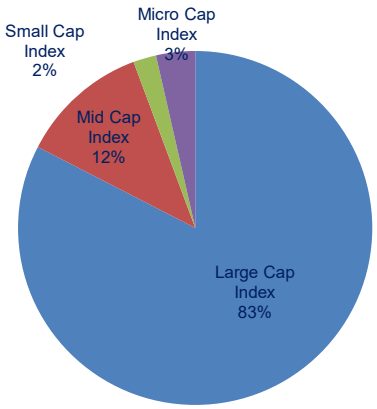

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	EIB	3,976,350	TPB	3,070,700
2	SSI	3,502,319	MWG	1,408,299
3	HPG	2,753,297	VRE	1,012,600
4	VPB	1,586,073	VNM	782,248
5	VCG	1,497,660	DPM	686,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.15	12.20	0.41%	55,741,100
EIB	19.85	19.60	-1.26%	36,735,276
SSI	33.70	34.00	0.89%	30,021,500
STB	30.30	30.75	1.49%	25,678,500
VIX	17.35	17.40	0.29%	24,395,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QNP	24.50	29.95	5.45	22.24%
TVB	6.17	7.35	1.18	19.12%
HCD	7.69	9.09	1.40	18.21%
DC4	11.20	12.30	1.10	9.82%
TIX	33.00	35.50	2.50	7.58%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFC	23.45	20.40	-3.05	-13.01%
RAL	123.60	113.50	-10.10	-8.17%
STG	52.00	48.40	-3.60	-6.92%
TTE	13.00	12.10	-0.90	-6.92%
LGC	65.10	60.60	-4.50	-6.91%

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BVS	201,000	TIG	257,091
2	IDC	85,409	EVS	130,000
3	MBS	69,800	DXP	94,000
4	SHS	62,030	HUT	35,800
5	DHT	11,500	MST	34,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.40	18.40	0.00%	14,155,797
MBS	24.20	24.40	0.83%	7,957,239
HUT	19.60	19.50	-0.51%	7,295,598
CEO	21.80	21.70	-0.46%	4,037,889
PVS	37.10	36.90	-0.54%	1,938,613

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TPH	12.50	13.70	1.20	9.60%
NAP	9.60	10.50	0.90	9.38%
SDG	16.20	17.70	1.50	9.26%
FID	2.20	2.40	0.20	9.09%
KSQ	2.40	2.60	0.20	8.33%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTD	8.20	7.40	-0.80	-9.76%
TKU	11.70	10.60	-1.10	-9.40%
MCO	13.90	12.70	-1.20	-8.63%
NBW	26.00	23.80	-2.20	-8.46%
GLT	18.00	16.50	-1.50	-8.33%

(*) Giá điều chỉnh

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	55,741,100	15.9%	2,036	5.9	0.9
EIB	36,735,276	8.3%	1,013	19.4	1.3
SSI	30,021,500	8.9%	1,346	25.1	2.2
STB	25,678,500	17.5%	3,825	8.0	1.3
VIX	24,395,100	11.6%	1,444	12.0	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	14,155,797	5.7%	688	26.8	1.5
MBS	7,957,239	12.3%	1,334	18.1	2.1
HUT	7,295,598	0.8%	122	161.0	1.6
CEO	4,037,889	6.7%	955	22.8	1.8
PVS	1,938,613	6.7%	1,846	20.1	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QNP	22.2%	14.0%	2,779	10.1	1.4
TVB	19.1%	5.8%	563	12.5	0.8
HCD	18.2%	12.0%	1,404	6.3	0.7
DC4	9.8%	0.2%	26	442.0	1.0
TIX	7.6%	13.1%	3,614	9.7	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TPH	9.6%	6.5%	791	15.8	1.0
NAP	9.4%	9.0%	1,002	9.6	0.9
SDG	9.3%	1.3%	593	27.3	0.4
FID	9.1%	-0.6%	(69)	-	0.2
KSQ	8.3%	3.0%	265	9.1	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	3,976,350	8.3%	1,013	19.4	1.3
SSI	3,502,319	8.9%	1,346	25.1	2.2
HPG	2,753,297	1.9%	322	88.1	1.7
VPB	1,586,073	9.7%	1,462	13.5	1.2
VCG	1,497,660	2.8%	516	49.2	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BVS	201,000	8.7%	2,710	9.5	0.8
IDC	85,409	17.0%	3,177	16.0	3.0
MBS	69,800	12.3%	1,334	18.1	2.1
SHS	62,030	5.7%	688	26.8	1.5
DHT	11,500	9.1%	1,147	21.7	1.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	511,402	22.6%	6,013	15.2	3.2
BID	281,602	17.6%	3,450	14.3	2.1
VHM	184,407	25.0%	9,468	4.5	1.0
GAS	174,782	19.0%	5,283	14.4	2.3
CTG	172,914	15.7%	3,377	9.5	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,733	6.7%	1,846	20.1	1.3
HUT	17,493	0.8%	122	161.0	1.6
IDC	16,797	17.0%	3,177	16.0	3.0
SHS	14,962	5.7%	688	26.8	1.5
THD	13,629	2.9%	460	77.0	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AGR	2.52	5.9%	679	24.4	1.4
FCN	2.50	1.1%	232	62.0	0.7
CII	2.48	0.8%	256	71.7	0.6
CTS	2.42	9.6%	1,261	22.6	2.1
FTS	2.31	12.7%	2,074	21.9	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.47	0.8%	122	161.0	1.6
SHS	2.45	5.7%	688	26.8	1.5
EVS	2.26	1.9%	228	35.9	0.7
MBS	2.23	12.3%	1,334	18.1	2.1
VIG	2.19	9.6%	685	11.4	1.0

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

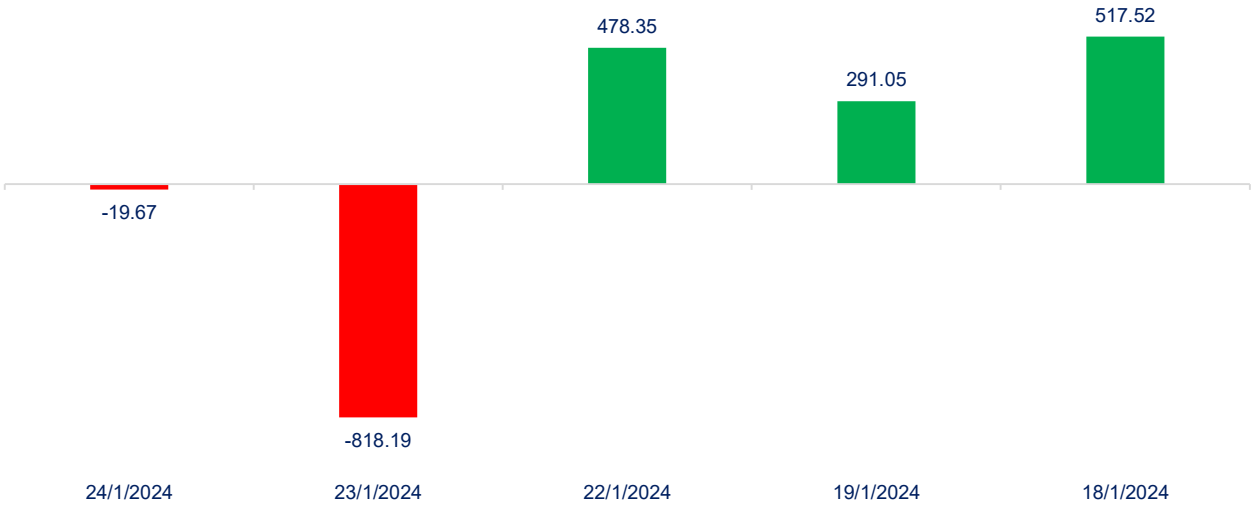

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)

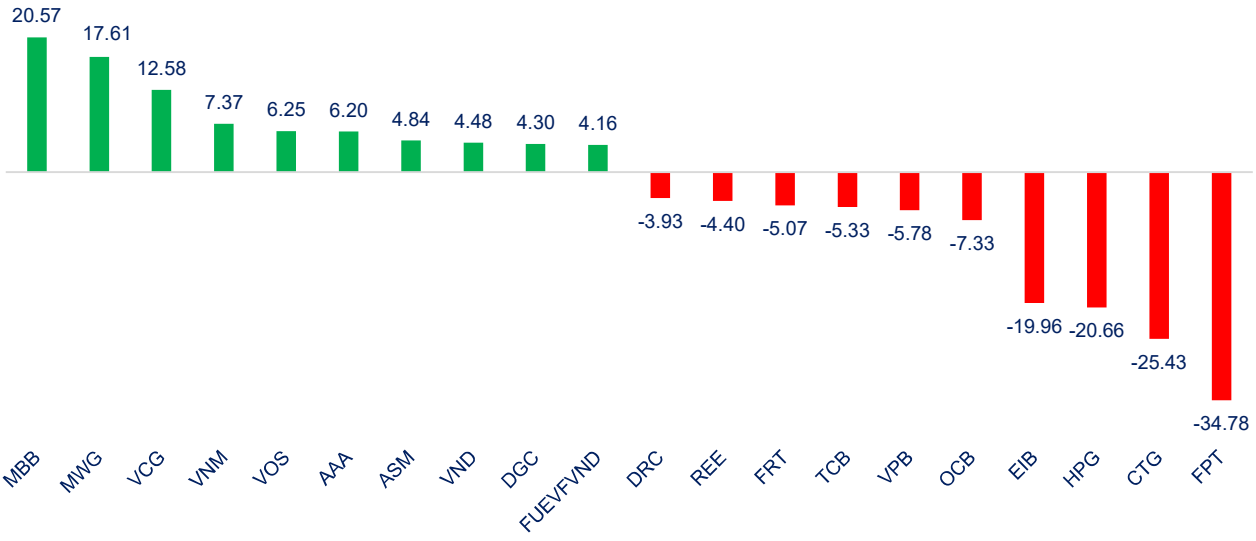

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn